**ĐẠI HỌC QUỐC GIA – TP. HCM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**SINH VIÊN VỀ MÔN HỌC THỰC HÀNH**

**THEO PHƯƠNG THỨC 1**

**HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2016 - 2017**

***Tp. Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2017***

**I. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT**

**1. Mục đích khảo sát**

* Góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong Nhà trường; xây dựng đội ngũ giảng viên (GV) có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại;
* Tạo thêm kênh thông tin từ phía người học giúp GV tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình nhằm không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn của GV trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của Nhà trường;
* Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của bản thân, tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của GV;
* Góp phần triển khai công tác tự đánh giá - kiểm định chất lượng trong nhà trường;
* Giúp cán bộ quản lý cấp Trường, Khoa/Ban có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá GV, phân công giảng dạy, có kế hoạch bồi dưỡng, bố trí công tác, khen thưởng kỷ luật GV.

1. **Quy trình khảo sát**
   1. **Đối tượng và phạm vi áp dụng**

Sinh viên (SV) đại học hệ đào tạo chính quy, cử nhân tài năng, chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao học các môn học thực hành phương thức 1.

* 1. **Hình thức**

Khảo sát trực tuyến, hệ thống khảo sát gửi link khảo sát [https://student.uit.edu.vn](https://student.uit.edu.vn/) đến từng SV theo danh sách môn học đã đăng ký, SV hoàn thành phiếu khảo sát theo hướng dẫn.

**2.3. Thời gian thực hiện**

* Thời gian khảo sát: 29/5/2016 – 30/6/2017 *(sau khi kết thúc môn học đến trước khi công bố điểm)*
* Xử lý số liệu và tách dữ liệu: 03/7/2017 – 24/7/2017
* Viết báo cáo: 25/7/2017 – 22/8/2017
  1. **Công cụ khảo sát**

Để xây dựng bảng khảo sát, phòng TT-PC-ĐBCL đã tham khảo nhiều mẫu khảo sát của các trường đại học. Đồng thời bảng khảo sát đã được ý kiến đóng góp của các CB-GV-NV trong trường.

Bảng khảo sát môn học thực hành theo phương thức 1 (PT1) gồm 18 câu hỏi tập trung đánh giá các nhóm nội dung gồm: Hình thức tổ chức môn học; hoạt động giảng dạy của GV; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Các câu hỏi trong bảng khảo sát được xây dựng trên thang đo Likert với 4 mức độ là:

* *Mức 1:* Chưa Tốt/Hài lòng 1 điểm
* *Mức 2:* Bình thường 2 điểm
* *Mức 3:* Tốt/Hài lòng 3 điểm
* *Mức 4:* Rất Tốt/Hài lòng 4 điểm

**II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**1. Số lượng SV thực hiện khảo sát theo môn học đăng ký**

Theo quy định của nhà trường về việc thực hiện khảo sát môn học (*bao gồm các môn học lý thuyết, thực hành PT 1, thực hành PT 2*):

* SV đăng ký <= 4 môn học, phải thực hiện khảo sát tất cả môn học đăng ký;
* SV đăng ký > 4 môn học, thực hiện khảo sát ít nhất 50% số môn học đăng ký.

Kết quả thu được từ 3139/3760 **(83.5%)** SV tham gia khảo sát ở HKII/2016-2017 cho thấy: 98% SV thực hiện khảo sát 100% môn học đã đăng ký, chỉ có 21 SV (0.7%) thực hiện khảo sát dưới 50% số môn học đăng ký.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉ lệ môn học  đã thực hiện** | **SV đăng ký <= 4 môn học**  **(N= 914)** | | **SV đăng ký > 4 môn học**  **(N= 2225)** | |
| *Số lượng* | *Tỉ lệ (%)* | *Số lượng* | *Tỉ lệ (%)* |
| **100%** | 908 | 99.3 | 2166 | 97.3 |
| **50% - dưới 100%** | 4 | 0.4 | 40 | 1.8 |
| **Dưới 50%** | 2 | 0.3 | 19 | 0.9 |

*Bảng 1. Số lượng SV thực hiện khảo sát môn học*

1. **Thực trạng số phiếu và thông tin đã khảo sát**

Theo thống kê từ Phòng Đào tạo Đại học, học kỳ II/2016-2017 toàn trường có 59 môn học thực hành PT 1 (251 lớp) với 86 GV tham gia giảng dạy. Số lượt SV đăng ký tham gia các môn học là 8657 lượt. Sau đây là bảng thống kê chi tiết tình hình khảo sát:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoa/**  **Bộ môn** | **Số lượng  môn học** | | **Số lượng lớp** | | **Số lượng Giảng viên** | | **Số lượng Sinh viên** | | |
| *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Tỷ lệ*  *(%)* |
| BMTL | 2 | 2 | 10 | 10 | 5 | 5 | 394 | 329 | **83.5** |
| CNPM | 4 | 4 | 54 | 54 | 10 | 10 | 1686 | 1393 | **82.6** |
| HTTT | 21 | 21 | 38 | 38 | 22 | 22 | 1282 | 1044 | **81.4** |
| KHMT | 1 | 1 | 31 | 31 | 10 | 10 | 1080 | 904 | **83.7** |
| KTMT | 10 | 10 | 77 | 77 | 19 | 19 | 2502 | 2155 | **86.1** |
| KTTT | 5 | 2 | 4 | 3 | 5 | 2 | 150 | 126 | **84.0** |
| MMT&TT | 16 | 16 | 37 | 37 | 15 | 15 | 1563 | 1354 | **86.6** |
| **Tổng cộng** | **59** | **56** | **251** | **248** | **86** | **83** | **8657** | **7305** | **84.4** |
| **Tỷ lệ (%)** |  | **94.9** |  | **98.8** |  | **96.5** |  | **84.4** |  |

*Bảng 2. Thống kê về thực trạng số phiếu khảo sát*

*Biểu đồ 1. Thống kê số SV theo lượt đăng ký và thực tế trả lời qua các năm*

**Học lực của SV:**

*Biểu đồ 2. Học lực của SV (%)*

**Thời gian lên lớp của SV:**

*Biểu đồ 3. Thời gian lên lớp của SV (%)*

1. **Kết quả khảo sát**

**3.1. SV đánh giá các tiêu chí về hoạt động giảng dạy của GV**

Trong 248 lớp học đã khảo sát, 100% lớp học có >= 50% SV tham gia khảo sát.

Bảng câu hỏi dành cho môn học thực hành PT1 gồm 18 câu hỏi/tiêu chí. Kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng mô tả tỷ lệ SV trả lời theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí (Câu hỏi)** | **Không ý kiến** | **Chưa tốt/ Hài lòng** | **Bình thường** | **Tốt/ Hài lòng** | **Rất tốt/ Hài lòng** |
| 1 | Anh/ Chị có đủ thông tin về đề cương/ kế hoạch thực hành |  | | | | |
| 2 | Đề cương nêu rõ kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được sau mỗi bài thực hành |  | | | | |
| 3 | Trang thiết bị, phòng máy được trang bị tốt, đáp ứng yêu cầu trong quá trình thực hành/ thí nghiệm |  | | | | |
| 4 | Phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo điều kiện an toàn |  | | | | |
| 5 | Anh/ Chị được phân chia nhóm một cách hợp lý |  | | | | |
| 6 | Anh/ Chị được cung tài liệu/ bài tập thực hành đầy đủ |  | | | | |
| 7 | Tài liệu/ bài tập thực hành trình bày rõ ràng, dễ hiểu, cập nhật |  | | | | |
| 8 | Thời khoá biểu thực hành phân bổ hợp lý, phù hợp với lý thuyết |  | | | | |
| 9 | Anh/ Chị được phổ biến về hình thức kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập trước khi học |  | | | | |
| 10 | Giảng viên theo dõi, giám sát quá trình thực hành của Anh/ Chị |  | | | | |
| 11 | Giảng viên hướng dẫn nội dung, mô tả các bước thực hiện trước khi tiến hành thực hành/ thí nghiệm |  | | | | |
| 12 | Giảng viên có nhiều kinh nghiệm chuyên môn qua việc hướng dẫn và giải đáp thắc mắc của Anh/ Chị |  | | | | |
| 13 | Giảng viên đảm bảo và sử dụng thời gian trên lớp hiệu quả |  | | | | |
| 14 | Anh/ Chị hài lòng với cách trả lời/ giải đáp của giảng viên về bài học |  | | | | |
| 15 | Giảng viên đánh giá chính xác, công bằng kết quả thực hành của Anh/ Chị |  | | | | |
| 16 | Hình thức kiểm tra/ đánh giá phù hợp với môn thực hành |  | | | | |
| 17 | Anh/ Chị nhận được kiến thức, kỹ năng như mục tiêu của môn học |  | | | | |
| 18 | Anh/ Chị hài lòng với hoạt động giảng dạy thực hành của giảng viên |  | | | | |

*Bảng 3. Tỷ lệ SV đánh giá theo từng tiêu chí (%)*

Nhìn chung, kết quả khảo sát các tiêu chí về hoạt động giảng dạy của GV ở môn học TH1 đạt tỷ lệ Tốt/hài lòng và Rất tốt/hài lòng (*gọi chung là Hài lòng*) khá cao từ **84.9%** đến **89.4%** (giảm nhẹ so với HK1: **85.3%** đến **90.7%)**. Trong đó:

* Hai tiêu chí về việc GV cung cấp thông tin đề cương, kế hoạch thực hành; cung cấp tài liệu, bài tập được SV đánh giá ở mức hài lòng cao nhất lần lượt là tiêu chí 1 (**89.4%**) và tiêu chí 6 (**89.2%**);
* Các tiêu chí còn lại có tỉ lệ tương đối ổn định qua nhiều học kỳ; giữa các tiêu chí không có sự cách biệt nhiều về tỉ lệ hài lòng của SV, dao động từ 86.8% đến 89%.
* Tiêu chí 3- *Trang thiết bị, phòng máy được trang bị tốt, đáp ứng yêu cầu trong quá trình thực hành/ thí nghiệm* là tiêu chí có tỷ lệ hài lòng thấp nhất (84.9%).

Sau đây là biểu đồ phân bố điểm trung bình, cao nhất và thấp nhất của 18 tiêu chí theo kết quả đánh giá của 207 lớp ở học kỳ này và ở HKI, 2016-2017:

*Biểu đồ 4. Điểm trung bình, min, max của 18 tiêu chí HKII, 2016-2017*

*Biểu đồ 4’. Điểm trung bình, min, max của 18 tiêu chí HKI, 2016-2017*

* 1. **Điểm trung bình của GV dựa trên hoạt động giảng dạy**

Điểm trung bình cụ thể của từng GV theo lớp được đính kèm trong phần Phụ lục.

* Xét từng tiêu chí: Có 222 GV (89.5%) được SV đánh giá >=3 điểm ở tất cả các tiêu chí; 1 GV (0.4%) có điểm đánh giá <3 ở tất cả các tiêu chí là: GV Nguyễn Vĩnh Kha (CS4273.H22.CTTT.1).
* Xét trung bình 18 tiêu chí: Có 242 GV (97.6%) có điểm trung bình >= 3.0 điểm (mức Hài lòng/Tốt); 6 GV (2.4%) có điểm trung bình <3.0 điểm. Trong đó, điểm trung bình cao nhất là 3.9 của GV Trần Thị Như Nguyệt (IT007.H21.CLC.1); điểm trung bình thấp nhất là 2.6 của GV Nguyễn Vĩnh Kha (CS4273.H22.CTTT.1).

Dưới đây là tóm tắt mức điểm trung bình của GV ở học kỳ này so với học kỳ trước:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **HKII,  2016-2017** | | **HKI,  2016-2017** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| 1 | Điểm tất cả các tiêu chí >=3.0 | 222 | 89.5% | 188 | 90.8% |
| 2 | Điểm tất cả các tiêu chí <3.0 | 1 | 0.4% | 3 | 1.4% |
| 3 | Điểm trung bình <3.0 | 6 | 2.4% | 6 | 2.9% |
| 4 | Điểm trung bình từ 3.0 đến dưới 3.5 | 135 | 54.4% | 87 | 42% |
| 5 | Điểm trung bình từ 3.5 đến 4.0 | 107 | 43.2 | 114 | 55.1% |
| 6 | Điểm trung bình cao nhất | 3.9 | | 3.9 | |
| 7 | Điểm trung bình thấp nhất | 2.6 | | 2.2 | |

*Bảng 4. Tóm tắt mức điểm trung bình của GV*

* 1. **Ý kiến thêm**

Các góp ý về hoạt động giảng dạy của GV, xem chi tiết trong sheet “TH ý kiến các lớp>=50%”.

Học kỳ II, năm học 2016-2017 có tổng cộng 874 lượt ý kiến cho biết những điều hài lòng và không hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV. Trong đó:

Có 796 ý kiến cho biết hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV, tập trung ở thái độ và phương pháp giảng dạy như: nhiệt tình, tận tâm, dạy hay, dễ hiểu, hướng dẫn SV tận tình,…

Có 186 ý kiến SV phản ánh nhiều các vấn đề về tăng thời lượng thực hành ở các môn học; GV cần thêm các bài tập, ví dụ giúp SV rèn luyện thêm; nhiều GV còn chưa quan tâm hỗ trợ SV, trả lời email; giảng bài khá nhanh, khó hiểu; GV còn đi trễ, làm việc riêng,…

Ngoài ra, có 6 góp ý về cơ sở vậtchất, trang thiết bị tập trung duy nhất vào việc nâng cấp máy tính phòng thực hành do máy tính chạy chậm, cấu hình yếu.

Quan sát biểu đồ 6, có thể thấy tỷ lệ SV đóng góp ý kiến thêm về hoạt động giảng dạy của GV tăng rõ rệt trong các học kỳ gần đây (từ 6% đến 12%).

*Biểu đồ 5. Số lượt ý kiến thêm qua các đợt khảo sát gần đây*

**III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. **Kết luận**

Học kỳ II, năm học 2016-2017, phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp cùng phòng DL&CNTT đã khảo sát các môn thực hành theo PT 1 và thu về kết quả với 248 lớp (100%) có từ 50% SV trở lên tham gia khảo sát.

Các tiêu chí về hoạt động giảng dạy của GV ở môn học TH1 học kỳ này đạt tỷ lệ hài lòng cao từ **84.9%** đến **89.4%**.

Kết quả đánh giá đối với GV, điểm trung bình thấp nhất là 2.6 điểm và cao nhất là 3.9 điểm. 97.6% GV có điểm trung bình >=3 (HKI/2016-2017: 97.1%; HKII/2015-2016: 96.4%; HKI/2015-2016: 97.5%).

Có 796/874 ý kiến thêm của SV cho biết hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV ở môn thực hành PT 1. Tuy nhiên, SV cũng góp ý thêm các vấn đề về tăng thời lượng thực hành, GV cần quan tâm hỗ trợ SV, tránh tình trạng đi trễ, làm việc riêng trong giờ giảng,…

1. **Kiến nghị**

Để các học kỳ sau, hoạt động khảo sát có kết quả tốt hơn, phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị Nhà trường thực hiện những điều sau:

* GV tham khảo kết quả khảo sát nhằm điều chỉnh, nâng cao hoạt động giảng dạy của mình để nâng số lượng môn học được SV đánh giá tốt lên;
* Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông để SV hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động khảo sát và tích cực tham gia, tham gia có trách nhiệm;
* Nhà trường duy trì việc kiểm tra và chỉ đạo khắc phục công tác liên quan đến chất lượng, đặc biệt về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo ý kiến của SV để đáp ứng tốt hơn yêu cầu giảng dạy và học tập;
* Duy trì việc giải đáp các thắc mắc của SV, phản hồi về việc sử dụng kết quả khảo sát đến toàn thể SV để SV biết được những ý kiến, đánh giá của mình đã được sử dụng và Nhà trường có cải tiến sau mỗi năm/học kỳ. Từ đó SV nhìn nhận, đánh giá ngày càng tốt hơn về Trường.
* Có hình thức khen thưởng, vinh danh các GV giảng dạy được SV đánh giá điểm cao và nhận xét tốt nhằm nhân rộng gương điển hình tạo động lực cho các GV khác học tập và noi theo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **PHÒNG TT-PC-ĐBCL**  **PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  **(đã ký)**  **Trịnh Thị Mỹ Hiền** |